

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 354/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH VỀ KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp công nghệ số về khu công nghệ số tập trung, bao gồm: khoản 1 và khoản 3 Điều 22; khoản 3 Điều 23 và khoản 3 Điều 25 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

2. Nghị định này quy định biện pháp thi hành Điều 5 và Điều 24 của Luật Công nghiệp công nghệ số về quản lý và phát triển khu công nghệ số tập trung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư, thành lập, mở rộng, công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung, hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh trong khu công nghệ số tập trung và các hoạt động khác có liên quan đến khu công nghệ số tập trung.

Điều 3. Phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch vùng và quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông

1. Phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung là một nội dung trong quy hoạch vùng và quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

2. Nội dung phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung bao gồm định hướng, phương hướng phân bổ không gian, mục tiêu, chức năng, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển khu công nghệ số tập trung trong kỳ quy hoạch.

3. Ưu tiên xây dựng, phát triển khu công nghệ số tập trung quy mô lớn phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển của từng vùng kinh tế trọng điểm theo quy hoạch tổng thể quốc gia.

4. Phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung là cơ sở để lập; điều chỉnh phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Điều 4. Phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Phương án phát triển khu công nghệ số tập trung là một nội dung của quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Nội dung phương án phát triển khu công nghệ số tập trung bao gồm:

a) Mục tiêu, định hướng, chức năng, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển hệ thống khu công nghệ số tập trung trong kỳ quy hoạch;

b) Danh mục khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Thể hiện phương án phát triển hệ thống khu công nghệ số tập trung trên bản đồ quy hoạch.

3. Nội dung Danh mục các khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm:

a) Tên của khu công nghệ số tập trung;

b) Quy mô diện tích và địa điểm dự kiến xây dựng của khu công nghệ số tập trung.

4. Việc lập, điều chỉnh phương án phát triển các khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông;

b) Phát triển khu công nghệ số tập trung hợp lý về quy mô diện tích, lĩnh vực hoạt động công nghiệp công nghệ số để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Ưu tiên chuyển đổi mục đích sử dụng của phân đất đã được quy hoạch cho xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng khác để xây dựng khu công nghệ số tập trung;

c) Phát triển khu công nghệ số tập trung tại vị trí địa lý thuận lợi kết nối về hạ tầng giao thông đường bộ, sân bay, cảng biển đáp ứng nhu cầu hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp; thuận lợi cho chuyên gia và người lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung;

d) Phát triển khu công nghệ số tập trung gắn kết với các viện, trung tâm nghiên cứu và trường đại học hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số để hình thành hệ sinh thái nghiên cứu, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số;

đ) Khu công nghệ số tập trung được hình thành trong một không gian tổng thể bao gồm đô thị - khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo - công nghiệp công nghệ số. Tạo môi trường toàn diện, đầy đủ và chất lượng cao cho các doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất và phát triển công nghệ tiên tiến; thu hút các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước;

e) Khu công nghệ số tập trung có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài khu;

g) Đáp ứng quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phòng, chống thiên tai, bảo vệ đê điều, hành lang bảo vệ bờ biển, sử dụng đất lấn biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên.

5. Phương án phát triển khu công nghệ số tập trung là cơ sở để tổ chức:

a) Lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết dự án xây dựng mới và mở rộng khu công nghệ số tập trung;

b) Lập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghệ số tập trung.

Điều 5. Lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết dự án đầu tư xây dựng khu công nghệ số tập trung

1. Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết (đối với các khu vực không yêu cầu phải lập quy hoạch phân khu) dự án đầu tư xây dựng khu công nghệ số tập trung được lập trên cơ sở phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch tỉnh, bảo đảm phù hợp với tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung quy định tại Điều 8 Nghị định này và quy định pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết dự án đầu tư xây dựng mới, dự án đầu tư xây dựng mở rộng khu công nghệ số tập trung được thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung phối hợp với cơ quan chuyên môn về quy hoạch, xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật.

4. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng mới, dự án đầu tư xây dựng mở rộng khu công nghệ số tập trung.

Chương II

TIÊU CHÍ CỦA KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

Điều 6. Tiêu chí về chức năng của khu công nghệ số tập trung

Khu công nghệ số tập trung có chức năng sau đây:

1. Nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ số.
2. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ số, cung ứng dịch vụ công nghệ số: sản phẩm phần mềm và cung ứng dịch vụ công nghệ số; sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.
3. Nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc, công cụ phục vụ trực tiếp cho công nghiệp bán dẫn.
4. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghiệp công nghệ số.
5. Ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số; xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư về công nghệ số.
6. Cung cấp hạ tầng công nghiệp công nghệ số; các công trình hạ tầng kỹ thuật, tòa nhà văn phòng làm việc, cơ sở sản xuất phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số. Trong đó, bảo đảm các yêu cầu sau:
 - a) Có hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, bao gồm: mạng internet tốc độ cao, mạng viễn thông 5G/6G và các thế hệ tiếp theo.
 - b) Có hạ tầng cấp điện bảo đảm chất lượng, ổn định với tối thiểu có hai nguồn cấp độc lập; hạ tầng cấp thoát nước bảo đảm chất lượng, công suất đáp ứng nhu cầu; hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn loại A theo quy định của pháp luật về môi trường.
 - c) Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an ninh mạng trong quản lý vận hành hạ tầng số.

7. Cung cấp dịch vụ và các điều kiện cần thiết để tổ chức, doanh nghiệp và người lao động làm việc và học tập trong khu công nghệ số tập trung. Trong đó, bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Áp dụng mô hình quản trị số thông minh và xanh trong hoạt động quản lý, vận hành của khu công nghệ số tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và bền vững.

b) Có dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và chuyên gia, người lao động làm việc, học tập thực hiện các thủ tục hành chính trong khu công nghệ số tập trung.

Điều 7. Tiêu chí về quy mô diện tích, nhân lực của khu công nghệ số tập trung

1. Về quy mô diện tích:

a) Có diện tích tối thiểu từ 05 héc-ta trở lên;

b) Đối với khu công nghệ số tập trung chỉ tập trung về sản xuất phần mềm, sản phẩm nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số có quy mô diện tích đất tối thiểu từ 01 héc-ta trở lên.

2. Về nhân lực:

a) Có tối thiểu 2.000 nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc trong khu công nghệ số tập trung. Đối với khu công nghệ số tập trung chỉ thực hiện các hoạt động sản xuất phần mềm, nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số phải có tối thiểu 1.000 nhân lực công nghiệp công nghệ số.

b) Nhân lực công nghiệp công nghệ số chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung.

Điều 8. Tiêu chí về quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung

1. Khu công nghệ số tập trung phải được tổ chức thành 02 nhóm phân khu chức năng chính:

a) Nhóm phân khu thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số, bao gồm: phân khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ số; phân khu nghiên cứu - phát triển, tư vấn, đào tạo, vườn ươm công nghệ số; phân khu văn phòng, trụ sở làm việc phục vụ công tác quản lý, điều hành; phân khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường, phòng cháy, chữa cháy; phân khu có chức năng trung bày, giới thiệu sản phẩm và truyền thông; phân khu chức năng khác thực hiện các chức năng của khu công nghệ số tập trung;

b) Nhóm phân khu cung cấp dịch vụ cho khu công nghệ số tập trung, bao gồm tối thiểu một trong các phân khu: phân khu dịch vụ dân sinh (giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao,...);

phân khu dịch vụ lưu trú; phân khu tài chính hoặc liên kết tài chính, ngân hàng; phân khu khác cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ số tập trung.

2. Tổng diện tích đất nhóm phân khu thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số phải bảo đảm chiếm tối thiểu 50% diện tích đất của khu công nghệ số tập trung. Việc tổ chức các phân khu chức năng phù hợp theo định hướng, mục tiêu hoạt động của khu công nghệ số tập trung; có thể quy hoạch tập trung hoặc phân tán phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Mật độ xây dựng của khu công nghệ số tập trung đáp ứng các chỉ tiêu sau:

a) Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng tòa nhà, cơ sở sản xuất tối đa là 60% diện tích lô đất;

b) Tỷ lệ cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật tối thiểu 21% diện tích toàn khu công nghệ số tập trung trở lên.

Chương III

THÀNH LẬP, MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

Điều 9. Điều kiện thành lập khu công nghệ số tập trung

1. Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ số, công nghiệp công nghệ số; phù hợp với mục tiêu, định hướng tại các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia, cấp bộ, ngành (nếu có) về phát triển công nghiệp công nghệ số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kinh tế số.

2. Phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

3. Phù hợp với quy hoạch vùng (nếu có) và quy hoạch tỉnh trong đó thuộc Danh mục các khu công nghệ số tập trung, danh mục khu chức năng, danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo sử dụng tài nguyên đất tiết kiệm, hiệu quả.

Trường hợp khu công nghệ số tập trung chưa phù hợp với phương hướng, phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì phải thực hiện thủ tục điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch này theo quy định của pháp luật về quy hoạch trước khi thực hiện thủ tục thành lập khu công nghệ số tập trung.

4. Đáp ứng quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hóa, di sản thiên nhiên.

5. Đáp ứng các tiêu chí về quy mô diện tích theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

6. Có phương án thành lập phù hợp với chức năng của khu công nghệ số tập trung quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 10. Điều kiện mở rộng khu công nghệ số tập trung

1. Đáp ứng các quy định tại Điều 6 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 9 Nghị định này.

2. Hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đã được đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chi tiết được phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Diện tích đất của nhóm phân khu chức năng thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 70%.

Điều 11. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung

1. Khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập, mở rộng theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số kể từ ngày phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công; hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư; hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung sử dụng vốn doanh nghiệp.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung sử dụng vốn đầu tư công theo quy định pháp luật về đầu tư công, dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung sử dụng vốn doanh nghiệp theo quy định pháp luật về đầu tư.

3. Đối với khu công nghệ số tập trung sử dụng ngân sách nhà nước hoặc dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đối tác công tư, hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định, điều chỉnh thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung phải có nội dung thuyết minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp thành lập khu công nghệ số tập trung và Điều 10 Nghị định này đối với trường hợp mở rộng khu công nghệ số tập trung;

b) Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và việc đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp thành lập khu công nghệ số tập trung và Điều 10 Nghị định này đối với trường hợp mở rộng khu công nghệ số tập trung.

4. Đối với khu công nghệ số tập trung sử dụng vốn doanh nghiệp, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định sau đây:

a) Đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trong hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư phải có nội dung thuyết minh việc đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp thành lập khu công nghệ số tập trung và Điều 10 Nghị định này đối với trường hợp mở rộng khu công nghệ số tập trung;

b) Nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về đầu tư và việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp thành lập khu công nghệ số tập trung và Điều 10 Nghị định này đối với trường hợp mở rộng khu công nghệ số tập trung.

Điều 12. Bảo đảm hiệu quả dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung

1. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung, trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải khắc phục toàn bộ các sai phạm và bị xử phạt hoặc bị chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

2. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được bàn giao đất đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư xây dựng khu công nghệ số tập trung phải bảo đảm hoàn thành việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch phân khu (nếu có) và quy hoạch chi tiết được duyệt. Trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung không thực hiện đúng quy định tại Điều này, chủ đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Chương IV

CÔNG NHẬN KHU CHỨC NĂNG LÀ KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

Điều 13. Điều kiện công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung

Khu chức năng được công nhận là khu công nghệ số tập trung khi đáp ứng đồng thời các điều kiện như sau:

1. Phù hợp với định hướng, mục tiêu của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch tỉnh.
2. Đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định này.

Điều 14. Trình tự, thủ tục công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung

1. Hồ sơ công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung, bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung của nhà đầu tư;
- b) Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cấp cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng;
- c) Báo cáo tổng thể hoạt động khu chức năng, bao gồm các nội dung: thuyết minh sự phù hợp các tiêu chí quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định này và các tài liệu chứng minh kèm theo; quá trình hình thành và phát triển, mô hình đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác; đánh giá hiệu quả đầu tư và tài chính (nếu có); đánh giá tác động kinh tế - xã hội, môi trường và phương hướng phát triển, giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý sau khi được công nhận là khu công nghệ số tập trung.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện:

- a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo để nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;
- c) Trường hợp cần xin ý kiến các cơ quan liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan liên quan có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận khu chức năng là khu công

nghệ số tập trung căn cứ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định không công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung, phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Nội dung thẩm định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết, sự phù hợp quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch tỉnh của việc công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung;

b) Thuyết minh khả năng đáp ứng các tiêu chí của khu công nghệ số tập trung quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định này;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu công nghệ số tập trung sau khi được công nhận.

Điều 15. Tạm đình chỉ, chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung

1. Tạm đình chỉ Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung:

a) Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung bị tạm đình chỉ không quá 06 tháng khi thuộc một trong các trường hợp sau: có hoạt động không thuộc chức năng của khu công nghệ số tập trung quy định tại Điều 6 Nghị định này; hoặc không đáp ứng quy mô diện tích, nhân lực của khu công nghệ số tập trung quy định tại Điều 7 Nghị định này; hoặc không đáp ứng tiêu chí về tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức làm việc và lập biên bản với chủ đầu tư khu công nghệ số tập trung thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành biên bản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định tạm đình chỉ quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung trong đó nêu rõ lý do và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung:

a) Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau: chủ đầu tư khu công nghệ số tập trung có văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung; hoặc không khắc phục lý do bị tạm đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều này sau thời hạn tạm đình chỉ ấn định của cơ quan có thẩm quyền; hoặc có hành vi giả mạo các văn bản trong hồ sơ đề nghị công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức làm việc và lập biên bản với chủ đầu tư khu công nghệ số tập trung thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này. Trong

vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành biên bản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung trong đó nêu rõ lý do và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp chủ đầu tư có văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung theo đề nghị của chủ đầu tư.

3. Trường hợp khu công nghệ số tập trung bị tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này:

a) Dự án đầu tư mới về xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; dự án đầu tư mới trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số vào khu công nghệ số tập trung không được áp dụng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định tại Điều 24 Luật Công nghiệp công nghệ số kể từ thời điểm Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung bị tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực;

b) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đang hoạt động trong khu công nghệ số tập trung trước thời điểm Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung bị tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực được tiếp tục hoạt động và hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đến hết thời hạn ưu đãi theo quy định pháp luật.

Chương V

HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

Điều 16. Phát triển nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung

1. Trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở ngoài ranh giới khu công nghệ số tập trung phục vụ chuyên gia, người lao động làm việc trong khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đồng thời xây dựng phương án phát triển nhà ở phù hợp với phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở ngoài ranh giới khu công nghệ số tập trung phục vụ chuyên gia, người lao động làm việc trong khu theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách ưu đãi miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về nhà ở, kinh doanh bất động sản, đất đai, đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung được ưu tiên thực hiện dự án đầu tư tại khoản này theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Điều 17. Ưu đãi đối với khu công nghệ số tập trung

1. Khu công nghệ số tập trung được áp dụng chính sách ưu đãi theo quy định tại Điều 24 Luật Công nghiệp công nghệ số và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Nhân tài, nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao làm việc trong khu công nghệ số tập trung:

a) Được miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân theo quy định pháp luật về công nghiệp công nghệ số và thuế thu nhập cá nhân;

b) Được hưởng các chính sách thu hút nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Luật Công nghiệp công nghệ số.

3. Các dự án đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm dữ liệu; dự án nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, đóng gói và kiểm thử chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số thuộc sản phẩm công nghệ chiến lược và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ vào khu công nghệ số tập trung được áp dụng quy định thủ tục đầu tư đặc biệt theo pháp luật về đầu tư.

4. Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung được hỗ trợ chi phí tra cứu, đăng ký, duy trì và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền phần mềm, dữ liệu số phát sinh từ hoạt động trong khu theo quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ số tập trung:

a) Doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ số tập trung phải được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan theo quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

b) Việc đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Nghị định này;

c) Ngoài các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ số tập trung khi đáp ứng điều kiện về kiểm tra, giám sát hải quan, quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu thì được áp dụng các quy định riêng đối với doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

Chương VI

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

Điều 18. Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là một loại tài sản kết cấu hạ tầng được quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung có thể được nhà nước hỗ trợ đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên trong khu theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Công nghiệp công nghệ số và các pháp luật có liên quan, nhà đầu tư có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc hạng mục công trình đó để phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ số tập trung.

Trong trường hợp này, nhà đầu tư không được tính giá trị tài sản công vào tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung và chi phí để tính giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất, các loại phí sử dụng hạ tầng đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung.

Điều 19. Mô hình của đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ số tập trung

1. Đối với khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập đơn vị quản lý hoặc giao cơ quan trực thuộc, doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước trực thuộc địa phương quản lý để thực hiện công tác quản lý, vận hành, khai thác và ban hành quy chế hoạt động khu công nghệ số tập trung.

2. Đối với khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn khác, chủ đầu tư quyết định mô hình đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ số tập trung phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung

1. Quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và chuyên gia, người lao động làm việc, học tập trong khu công nghệ số tập trung thực hiện các thủ tục hành chính.

3. Cung cấp dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ số và các hoạt động khác có liên quan của doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung.

4. Thực hiện các hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư.

5. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung. Tham gia góp ý các dự án đầu tư vào khu công nghệ số tập trung theo yêu cầu của cơ quan đăng ký đầu tư.

6. Tuân thủ quy định pháp luật về an ninh mạng trong quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung.

7. Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước phù hợp theo quy định pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm của bộ, ngành và địa phương

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các địa phương thực thi chính sách và thành lập, mở rộng, công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ số tập trung;

b) Xây dựng nền tảng số để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ, thực hiện hoạt động quản lý, vận hành và phát triển đối với khu công nghệ số tập trung.

Kinh phí xây dựng, vận hành nền tảng số quản lý, vận hành khu công nghệ số tập trung được lấy từ nguồn vốn ngân sách nhà nước từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng và chỉ đạo thực hiện phương án phát triển hệ thống khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung; định kỳ 03 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung, thực

hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của khu công nghệ số tập trung; tạm đình chỉ, chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung theo quy định tại các Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Nghị định này;

c) Chủ trì xây dựng kế hoạch và cân đối vốn để đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại Nghị định này;

d) Quy hoạch đất xây dựng nhà ở và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng cho chuyên gia, người lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung; hỗ trợ đầu tư xây dựng khu tái định cư, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội theo quy định của pháp luật; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển khu công nghệ số tập trung;

đ) Chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư và thực hiện các thủ tục cho thuê hoặc giao đất trong khu công nghệ số tập trung theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;

e) Chỉ đạo các tổ chức có liên quan lập kế hoạch đầu tư và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đáp ứng nhu cầu phát triển;

g) Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi và khuyến khích hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung, doanh nghiệp và người lao động trong khu công nghệ số tập trung từ ngân sách địa phương phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ số tập trung trên địa bàn;

i) Giao Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khi kinh tế hoặc cơ quan có thẩm quyền trực thuộc thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan bao gồm: quy hoạch, xây dựng, đất đai, đầu tư, môi trường, lao động, an toàn và vệ sinh lao động và các hoạt động khác.

4. Cơ quan đăng ký đầu tư của địa phương có trách nhiệm:

a) Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về công nghệ số và các quy định pháp luật liên quan khác.

Đối với dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan để đánh giá sự phù hợp về công nghệ, sản phẩm, dịch vụ của dự án theo quy

định tại Điều 6 Nghị định này. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;

b) Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để áp dụng ưu đãi, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập, mở rộng, công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực:

a) Được tự động chuyển thành khu công nghệ số tập trung kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực;

b) Được áp dụng quy định về bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật tại Điều 13 Luật Đầu tư về chính sách hỗ trợ, ưu đãi.

4. Các khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được thành lập, mở rộng, công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì phương án quản lý, vận hành và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tiếp tục thực hiện theo hình thức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (02b).

Nguyễn Chí Dũng